

Số: 54 /2024/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân
trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3185/TTr-SXD ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Công văn số 3196/TTr-SXD ngày 26 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết thi hành khoản 3, khoản 5 Điều 87 và Điều 99 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 về khung giá cho thuê nhà ở xã hội, khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính

công đoàn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Các đối tượng được thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp theo quy định của Luật Nhà ở.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Giá thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp theo khung giá quy định tại Điều 4 của Quyết định này đã bao gồm toàn bộ chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và chi phí bảo trì; chưa bao gồm giá dịch vụ quản lý vận hành và không bao gồm kinh phí mua bảo hiểm cháy, nổ, chi phí trông giữ xe, chi phí sử dụng nhiên liệu, năng lượng, nước sinh hoạt, dịch vụ truyền hình, thông tin liên lạc, thù lao cho Ban quản trị và chi phí dịch vụ khác phục vụ cho việc sử dụng riêng của chủ sở hữu, người sử dụng nhà ở.

Điều 4. Khung giá cho thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp

1. Khung giá cho thuê nhà ở xã hội

Đơn vị tính: đồng/m²/tháng

STT	Nhà ở xã hội	Mức giá tối thiểu	Mức giá tối đa
I	Công trình nhà ở riêng lẻ, nhà nhiều tầng, nhiều căn hộ		
1	Nhà 01 tầng	18.600	19.400
2	Nhà từ 02 đến 03 tầng	55.300	78.000
II	Công trình nhà chung cư		
1	Số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	52.800	90.900
2	Số tầng ≤ 5 có 01 tầng hầm	61.700	106.200
3	5 < số tầng ≤ 7 không có tầng hầm	68.000	117.100
4	5 < số tầng ≤ 7 có 01 tầng hầm	72.500	125.200
5	7 < số tầng ≤ 10 không có tầng hầm	70.100	120.600
6	7 < số tầng ≤ 10 có 01 tầng hầm	73.300	126.200
7	10 < số tầng ≤ 15 không có tầng hầm	73.400	126.400
8	10 < số tầng ≤ 15 có 01 tầng hầm	75.500	129.900
9	15 < số tầng ≤ 20 không có tầng hầm	81.800	140.700
10	15 < số tầng ≤ 20 có 01 tầng hầm	83.100	143.100

2. Khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp

Đơn vị tính: đồng/m²/tháng

STT	Nhà ở lưu trú công nhân trong khu công nghiệp	Mức giá tối thiểu	Mức giá tối đa
1	Số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	49.500	90.900
2	5 < số tầng ≤ 7 không có tầng hầm	60.600	117.000
3	7 < số tầng ≤ 10 không có tầng hầm	62.000	120.600
4	10 < số tầng ≤ 15 không có tầng hầm	64.400	126.300
5	15 < số tầng ≤ 20 không có tầng hầm	70.600	140.700

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận, Giám đốc Công an tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

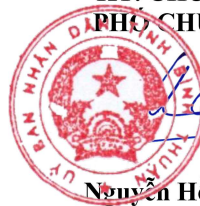
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, KGVXNV, NCKSTTHC, ĐTQH. ch

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Hải